

Bản án số: 22/2020/HS-PT

Ngày: 10 -3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 05/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 113/2019/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Văn N, sinh năm 1988 tại tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Số M, đường U, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị S; có vợ và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/02/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố V tuyên phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong ngày 25/6/2012. Ngày 25/02/2014, bị Tòa án thành phố V tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong từ ngày 08/01/2015; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có 01 bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 31 tháng 7 năm 2019, Lê Văn N điều khiển xe mô tô biển số 66P1-286.60 đi qua nhà số X thuộc Khóm B, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long của bà Nguyễn Ngọc G, nhìn thấy nhà đóng cửa, không có người trông coi nên N nảy sinh ý định vào bên trong lấy trộm tài sản. N dừng xe ở phía sau nhà bà G rồi leo qua hàng rào lưới B40 đến cửa sau nhà, phát hiện phía trong cửa sau có móc hờ ổ khóa trên khoen cửa, N lấy cái lưỡi liềm mở cửa rồi đột nhập vào bên trong nhà trộm các tài sản như sau: 01 máy tính bảng hiệu HUAWEI màu trắng - bạc để trên kết sắt, 01 con heo đất bên trong có số tiền 7.800.000 đồng, 01 vòng đeo tay bằng sợi chỉ màu đỏ có gắn mặt con tì hưu bằng vàng 24K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc nhẫn em bé bằng vàng 18K trọng lượng 01 phân bị đứt để trong tủ gỗ do Ni cạy tủ lấy.

Sau khi lấy trộm các tài sản trên N đem đến tiệm điện thoại H tại số C Khóm Đ, Phường R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do ông Võ Trung H làm chủ, bán máy tính bảng với giá 900.000 đồng và dùng 6.900.000 đồng chuộc 02 điện thoại di động hiệu Iphone 6plus mà N đã cầm trước đó. Đối với các tài sản bằng vàng N đem đến tiệm vàng M, địa chỉ X, đường R, Phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Minh P làm chủ, bán được tổng cộng 2.150.000 đồng. Số tiền trộm được N đưa 1.500.000 đồng cho vợ N là chị Y Thị Thúy L để mua tã cho con, đưa 1.400.000 đồng cho mẹ ruột là bà Phạm Thị S để mua thuốc cho em ruột và số tiền còn lại N tiêu xài cá nhân.

Sau khi bị mất tài sản bà G đến Công an Phường D, thành phố Vĩnh Long trình báo sự việc. Quá trình điều tra bà G trình bày tài sản bị mất trộm gồm: 01 máy tính bảng hiệu HUAWEI màu trắng bạc, 01 con heo đất bên trong có số tiền 7.800.000 đồng và 500 USD, 01 mặt dây chuyền vàng 18K có trọng lượng 0,3 chỉ có gắn thêm ngọc trai không rõ trọng lượng, 01 vòng đeo tay bằng sợi chỉ màu đỏ có gắn mặt con tì hưu bằng vàng 24K trọng lượng 01 chỉ, 01 đôi bông tai bằng vàng trắng (vàng Ý không xác định được trọng lượng) có đính 02 kim cương màu trắng có trọng lượng 3,2 ly, 01 chiếc nhẫn em bé bằng vàng 18K trọng lượng 01 phân bị đứt, đồng thời giao nộp 02 hộp nhựa có chữ NAURAL DIAMOND.

Căn cứ vào Kết luận định giá số: 75/HĐĐG&TTHS, ngày 28/8/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố V: Giá trị của 01 máy tính bảng hiệu HUAWEI màu trắng bạc, 01 mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 0,3 chỉ, 01 vòng đeo tay bằng sợi chỉ màu đỏ có gắn mặt con tì hưu bằng vàng 24K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc nhẫn em bé bằng vàng 18K trọng lượng 01 phân bị đứt và số tiền 500USD có tổng giá trị 17.669.600 đồng. Đối với 01 đôi bông tai bằng vàng trắng (vàng Ý) có đính 02 kim cương màu trắng có trọng lượng 3,2 ly và hột ngọc trai gắn trên mặt dây chuyền do không thu hồi được nên không xác định được thông tin và giá trị của tài sản.

Tuy nhiên, Lê Văn N không thừa nhận đã lấy trộm tài sản như lời trình bày của bà G mà chỉ thừa nhận lấy trộm 01 máy tính bảng hiệu HUAWEI màu trắng - bạc, 01 con heo đất bên trong có số tiền 7.800.000 đồng, 01 vòng đeo tay bằng sợi chỉ màu đỏ có gắn mặt con tì hưu bằng vàng 24K trọng lượng 01 chỉ,

01 chiếc nhẫn em bé bằng vàng 18K trọng lượng 01 phân bị đứt. Tổng giá trị tài sản mà N thừa nhận lấy trộm có giá trị là 13.038.150 đồng.

Đối với Võ Trung H, Nguyễn Minh P khi mua tài sản của Lê Văn N và Y Thị Thúy L, Phạm Thị S khi nhận tài sản mà N cho, tất cả đều không biết đây là tài sản của N lấy trộm mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 113/2019/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 bị cáo Lê Văn N kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đối với bị cáo Lê Văn N đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hoạt động tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng vì vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn N thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản án sơ thẩm đã xử. Xét lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại trong vụ án cùng các chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát đã thu thập được, vì vậy có đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 08 giờ ngày 31 tháng 7 năm 2019, Lê Văn N điều khiển xe mô tô biển số 66P1-286.60 đi ngang nhà số X thuộc Khóm B, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long của bà Nguyễn Ngọc G, nhìn thấy nhà đóng cửa, không có người trông coi bị cáo lén lút vào nhà bà G trộm các tài sản như sau: 01 máy tính bảng hiệu HUAWEI màu trắng - bạc để trên kết sắt, 01 con heo đất bên trong có số tiền 7.800.000 đồng, 01 vòng đeo tay bằng sợi chỉ màu đỏ có gắn mặt con tì hưu bằng vàng 24K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc nhẫn em bé bằng vàng 18K trọng lượng 01 phân bị đứt. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt định giá

được bằng 13.038.150 đồng. Với những hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo N về tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Nhận thấy hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Mặt khác bị cáo N trước đây đã 02 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, biết phạm tội sẽ bị trừng phạt nhưng vẫn không chịu từ bỏ, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội điều này thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật của bị cáo.

Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo N, đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả, bị hại bãi nại theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, cấp sơ thẩm đã xử bị cáo N với mức hình phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản là cần thiết đáp ứng yêu cầu giáo dục và phòng ngừa. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm, bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án và đề nghị căn cứ Điểm a, Khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo N và giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo N 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn N và giữ nguyên phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2019/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01b;
- VKSND TVL: 02b;
- Chánh án: 01b;
- TANDTPV: 02b;
- THADSTPV: 02b;
- Sở Tư pháp: 01b;
- Trại tạm giam: 01b;
- CQCSĐT Công an TPV: 01b;
- Bị cáo: 01b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn